

Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong dưới triều vua Tự Đức (1847-1883)

Vũ Thị Nga*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Thời gian cầm quyền của vua Tự Đức (1847-1883) gắn với một trong những thời kỳ biến động nhất của lịch sử dân tộc. Vừa phải dẹp yên các cuộc nổi dậy trong nước, triều đình vua Tự Đức còn phải tổ chức kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Trong bối cảnh đó, sức mạnh của quân đội có ý nghĩa quyết định đối với ổn định đất nước và độc lập dân tộc. Việc xây dựng và duy trì đội quân vững mạnh khi chiến đấu cùng với ban hành và thực thi những chính sách thời hậu chiến trong đó có chế độ trợ cấp cho võ quan và binh lính trận thương, trận vong ảnh hưởng trực tiếp tới đời sống vật chất và tinh thần của những binh lính không may mắn trong chiến tranh.

Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong dưới triều vua Tự Đức được thực thi trong hai bối cảnh khác biệt: trước và trong khi đất nước có chiến tranh. Để động viên tinh thần võ quan và binh lính không may mắn khi tham gia chiến trận, chế độ có sự điều chỉnh đáng kể đặc biệt sau năm 1858, khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ. Chế độ không chỉ bổ sung đối tượng nhận trợ cấp mà về định mức trợ cấp cũng được tăng lên so với giai đoạn trước. Bên cạnh những binh lính trực tiếp tham gia chiến trận, thân nhân của họ (cha mẹ, vợ con) cũng được nhà nước ban cấp tiền bạc, đặc biệt là những võ quan có công trạng lớn trong kháng chiến chống Pháp.

Từ khoá: Tự Đức, trợ cấp, trận thương, trận vong

MỞ ĐẦU

Năm 1802, triều Nguyễn được thành lập sau thắng lợi quân sự trước Tây Sơn. Lần lượt các vua từ Gia Long (1802-1820), Minh Mệnh (1820-1841), Thiệu Trị (1841-1847) đã thực thi nhiều biện pháp nhằm xây dựng và củng cố vương quyền. Tuy nhiên, mâu thuẫn giai cấp sâu sắc trong xã hội là nguyên nhân trực tiếp làm bùng nổ các cuộc khởi nghĩa lớn nhỏ kéo dài, liên tục của nông dân, đồng bào dân tộc thiểu số ở khắp các vùng trong cả nước chống lại triều đình. Năm 1847, vua Tự Đức lên ngôi. Sau một thập kỷ cầm quyền, năm 1858, Đại Nam bị thực dân Pháp xâm lược. Bối cảnh lịch sử nêu trên cho thấy vai trò của quân đội triều Nguyễn trong việc thiết lập vương triều, ổn định nội trị và bảo vệ chủ quyền dân tộc. Nhận thấy tầm quan trọng đó, các vua triều Nguyễn đã ban hành nhiều chính sách đối với võ quan và binh lính trong đó có trợ cấp cho binh lính trận thương, trận vong. Khác với các vua đầu triều, nhiệm vụ của quân đội dưới triều vua Tự Đức không chỉ dẹp yên các cuộc nổi dậy mà còn phải kháng chiến chống ngoại xâm. Trong bối cảnh đó, chế độ trợ cấp của triều đình vua Tự Đức đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong như thế nào, có những thay đổi gì so với các vua triều

trước? Bài viết hướng tới làm rõ chế độ trợ cấp của triều đình vua Tự Đức đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong; những ưu cấp của triều đình cho các đối tượng này so với các triều vua trước cũng như sự khác nhau của chế độ trợ cấp trong hai giai đoạn trước và sau năm 1858; từ đó cung cấp một cái nhìn khách quan hơn khi đánh giá về quân đội triều Nguyễn nói chung, chính sách của triều Nguyễn trong xây dựng quân đội nói riêng, nhất là trong bối cảnh Đại Nam bị thất bại trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

NỘI DUNG CHÍNH

Bối cảnh lịch sử, nhiệm vụ và tổ chức quân đội của triều Nguyễn dưới triều vua Tự Đức (1847-1883)

Kế tục vua Thiệu Trị, năm 1847, vua Tự Đức lên ngôi. Trong 37 năm cầm quyền (1847-1883), vua Tự Đức phải chống đỡ với những khó khăn cực kỳ to lớn, đáng kể nhất là những cuộc nổi dậy chống đối triều đình của các lực lượng trong nước và cuộc tấn công xâm lược của thực dân Pháp.

Trước và trong khi Pháp xâm lược, các cuộc nổi dậy chống triều đình vẫn liên tiếp nổ ra. Theo ghi chép của sử triều Nguyễn, từ năm 1847 đến 1862, có 40

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam

Liên hệ

Vũ Thị Nga, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQG-HCM, Việt Nam
Email: vutzinga@hcmussh.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 19-10-2023
- Ngày sửa đổi: 22-5-2024
- Ngày chấp nhận: 12-9-2024
- Ngày đăng:

DOI:



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Nga V.T. **Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương, trận vong dưới triều vua Tự Đức (1847-1883).** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; (1):1-9.

50 cuộc nổi dậy. Bên cạnh việc đối diện với các cuộc
 51 khởi nghĩa của nông dân và đồng bào dân tộc thiểu
 52 số ở miền núi như các triều vua trước, ở giai đoạn
 53 này triều Nguyễn còn phải dẹp yên các khởi nghĩa của
 54 binh lính. Trong số đó phải kể tới cuộc khởi nghĩa
 55 Lê Duy Phụng, sự cướp phá của tàn quân Thái Bình
 56 Thiên Quốc ở miền thượng du mà tiêu biểu là khởi
 57 nghĩa Tam Đường ở Thái Nguyên, khởi nghĩa Ngô
 58 Côn ở Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên. Triều đình
 59 vua Tự Đức phải huy động một lực lượng quân lớn
 60 đánh dẹp để giữ vững nội trị.
 61 Từ tháng 9 năm 1858, triều Nguyễn phải tổ chức
 62 kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược. Sau khi
 63 đánh Đà Nẵng, Pháp lần lượt mở rộng đánh chiếm
 64 các địa điểm quan trọng trên lãnh thổ nước Đại Nam:
 65 Gia Định, các tỉnh Nam Kỳ, Bắc Kỳ và sau đó là kinh
 66 đô Huế. Đây là một thế lực ngoại xâm chưa từng có
 67 trong tiền lệ, với phương tiện chiến tranh hiện đại,
 68 cách đánh khác biệt. Để chống đỡ lại hỏa lực, vũ khí
 69 và phương tiện chiến tranh của Pháp, triều Nguyễn
 70 đã điều động một lực lượng quân binh lớn tham gia
 71 chiến trận.
 72 Hệ quả để lại là thương vong cho võ quan và binh lính
 73 tham trận. Do vậy, việc ban hành và thực thi chế độ
 74 trợ cấp cho võ quan và binh lính trận thương, trận
 75 vong là vấn đề thiết thực hậu chiến của triều đình vua
 76 Tự Đức, không chỉ có ý nghĩa vật chất mà còn có giá
 77 trị tinh thần đối với những người trực tiếp tham chiến
 78 và cả thân nhân của họ.
 79 Về tổ chức, quân đội dưới triều vua Tự Đức cơ bản vẫn
 80 duy trì hệ thống võ quan, phiên chế và ngạch binh đã
 81 thiết lập dưới các triều vua trước, đặc biệt là triều vua
 82 Minh Mệnh.
 83 Tổ chức quân đội trung ương bao gồm 5 cấp theo thứ
 84 tự: Doanh, Vệ, Đội, Thập, Ngũ. Chỉ huy các đơn vị
 85 quân Trung ương gồm các võ quan hàm từ Chánh nhị
 86 phẩm đến Tòng ngũ phẩm, riêng 2 cấp Thập và Ngũ
 87 chỉ huy các đơn vị quân này chưa được xếp vào ngạch
 88 võ quan. Cụ thể như Bảng 1.
 89 Quân đội các địa phương được tổ chức thành 5 cấp
 90 tương đương với quân ở kinh thành gồm: Liên cơ, Cơ,
 91 Đội, Thập, Ngũ. Trong đó Liên cơ chỉ có ở những tỉnh
 92 lớn. Cấp Vệ tương đương với cấp Cơ ở kinh thành
 93 được tổ chức ở các tỉnh vừa và nhỏ. Võ quan chỉ
 94 huy các địa phương gồm: Đề đốc (đứng đầu một Liên
 95 cơ), Lãnh binh (đứng đầu một Cơ/ Vệ), Cai đội (đứng
 96 đầu một Đội), Suất thập (đứng đầu một Thập), Ngũ
 97 trưởng (đứng đầu một Ngũ).
 98 Phẩm trật của võ quan ở trung ương và địa phương có
 99 sự chênh lệch trong cùng một hàm (chức vụ). Theo
 100 đó, cấp Doanh ở kinh đô, võ quan chỉ huy phẩm trật
 101 là Chánh nhị phẩm, trong khi đó cấp tương đương
 102 là Liên cơ ở địa phương thấp hơn 2 bậc là Chánh tam

phẩm, ở cấp thứ 2 (Vệ/ Cơ) và cấp thứ 3 (Đội) võ quan
 chỉ huy ở địa phương kém ở trung ương 1 bậc. Điều
 đó cho thấy triều đình coi trọng vai trò của võ quan
 cũng như lực lượng quân của nhà nước ở kinh thành.
 Đây chính là lực lượng tin cậy nhất của nhà vua trong
 việc xây dựng, củng cố và phát triển vương triều.
 Về số lượng quân lính, quân đội dưới triều Tự Đức
 cũng bao gồm vệ binh (quân thường trực đóng ở
 kinh thành) và cơ binh (quân đóng giữ ở các phủ
 huyện). Ngoài ra, dưới thời Tự Đức còn đặt thêm
 ngạch Hương dũng, Dân dũng và các Thổ dũng ở các
 xã huyện miền núi [2, tr. 471]. Theo thống kê từ
 Đại Nam nhất thống chí³, dân số cả nước ta đầu thời
 Tự Đức có 878.077 dân đinh. Dựa vào phép tuyển
 lính giữa các vùng, số quân lính thường trực lúc đó là
 177.588 người⁴. Số binh lính thời gian cuối của cuộc
 kháng chiến chống Pháp, theo Đại Nam thực lục, năm
 1881, lực lượng binh các hạng do triều đình quản
 lí là hơn 16.600 người [4; tr.454]. Còn theo tướng
 Pháp de Courcy, năm 1885 (sau khi thất bại trong
 cuộc chiến chống Pháp 1 năm), quân đội chính quy
 của triều Nguyễn có khoảng 70.000 người, trong đó
 12.000 là lính tuyển mộ từ vùng quanh kinh thành
 Huế [5; tr. 133]. Các số liệu trên cho thấy tổng số
 quân lính dưới triều Tự Đức giảm đôi chút so với
 các triều vua trước^{6,7b} song vẫn là con số đáng kể
 so với dân đinh lúc đó (chiếm khoảng 20%). Đây là
 lực lượng quan trọng quyết định đến kết quả của mỗi
 trận chiến, đặc biệt trong bối cảnh kháng chiến chống
 ngoại xâm.

Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận thương

Đối với võ quan, trước năm 1858, chế độ trợ cấp của triều đình vua Tự Đức đối với võ quan trận thương duy trì định chế đã được ban hành dưới thời vua Minh Mệnh. Ngoài việc được chăm sóc bởi các sinh y trong các sở Dưỡng tế được đặt trong kinh thành và các địa phương, họ còn được triều đình trợ cấp thêm tiền bạc. Võ quan bị thương khi làm nhiệm vụ được triều đình trợ cấp tiền với định mức khác nhau dựa trên chức vụ

³Năm Gia Long thứ nhất (1802), triều Nguyễn ban hành quy định tuyển lính: Kinh Bắc, Sơn Tây, Hải Dương, Sơn Nam (thượng, hạ), Thanh Hóa ngoại (Ninh Bình) 7 suất đinh lấy 1 suất lính. 6 ngoại trấn (Tuyên Quang, Hưng Hóa, Cao Bằng, Lạng Sơn, Thái Nguyên, Yên Quảng) 10 suất đinh lấy 1 suất lính. Khu vực miền Trung từ Quảng Bình đến Bình Thuận 3 suất đinh lấy 1 suất lính. Đối với thành Gia Định, triều Nguyễn quy định: dân hạng tráng 8 người lấy 1 lính; biệt nạp như đồn điền, các trại 3 người lấy 1 lính. Sau cải cách hành chính của vua Minh Mệnh, chế độ tuyển lính áp dụng cho các tỉnh Bắc Kỳ và Trung Kỳ vẫn giữ nguyên tỉ lệ lấy quân thời vua Gia Long. Riêng các tỉnh Nam kỳ có điều chỉnh về tỉ lệ. Từ năm 1834, tỉnh Hà Tiên, An Giang bắt đầu thực hiện quy chế cứ 5 suất đinh tuyển 1 suất lính. Sau đó, tỉ lệ này áp dụng đối với tất cả các tỉnh Nam Kỳ.

⁶Năm 1820: 204.220 quân; năm 1840: 212.290 quân [6; tr. 519]; năm 1841: 212.250 quân [7; tr. 512].

Bảng 1: Tổ chức một Doanh và phẩm hàm của võ quan trong quân đội triều Nguyễn (Nguồn [1], tr. 18, 23-24)

Đơn vị quân	Người chỉ huy	Phẩm trật	Số lượng
Doanh	Đô thống	Chánh nhị phẩm	1
Vệ	Vệ úy	Chánh tam phẩm	1
Đội	Cai đội	Tòng ngũ phẩm	1
Thập	Suất thập		1
Ngũ	Ngũ trưởng		1

143 trong quân ngũ, trong đó quy định: Vệ úy được cấp
144 70 quan; Phó vệ úy, Quản cơ 50 quan; Phó quản cơ,
145 Cai cơ 30 quan; Suất đội 20 quan; Suất thập 10 quan
146 [8; tr. 573] ^c.

147 Võ quan phẩm hàm thấp bị trận thương khi đi đánh
148 trận ở Nam Kỳ trợ cấp dựa theo chức vụ và mức độ
149 nặng nhẹ của thương tật, cao nhất là 10 quan thấp
150 nhất là 3 quan. Cụ thể: Suất đội, bị thương nhẹ được
151 trợ cấp tiền 5 quan, bị thương nặng 10 quan. Đội
152 trưởng, bị thương nhẹ trợ cấp tiền 3 quan, bị thương
153 nặng 6 quan ^d [9; tr. 642-643].

154 Ngoài ra, triều đình còn thực hiện ban cấp cho
155 võ quan thuộc các cơ hương dũng (quân đội ở địa
156 phương) tham gia chiến trận bị thương với định mức
157 trợ cấp thấp hơn võ quan ở kinh đô 1 bậc. Trong đó,
158 Ngoại úy Chánh phó Suất cơ ở địa phương bằng định
159 mức với Suất đội ở kinh thành (bị thương nhẹ được
160 trợ cấp 5 quan tiền, bị thương nặng 10 quan tiền);
161 Ngoại úy Chánh phó Suất đội ở địa phương được triều
162 đình trợ cấp bằng với mức của Đội trưởng ở kinh
163 thành (bị thương nhẹ được trợ cấp 3 quan tiền, bị
164 thương nặng thì 6 quan tiền) [1; tr. 576].

165 Khi cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp bùng nổ,
166 chế độ trợ cấp cho võ quan trận thương của vua Tự
167 Đức dựa trên mức độ của thương tật, trong đó đặc
168 biệt ưu cấp đối với võ quan trận thương khi tham gia
169 đánh Pháp. Đối tượng được nhận trợ cấp bao gồm cả
170 người bị thương và người dưỡng thương.

171 Đối với võ quan trận thương, năm Tự Đức thứ 12
172 (1859), triều đình quy định quan viên bị trọng thương
173 được cấp 10 quan tiền, quan viên bị thương nhẹ cấp 6
174 quan.

175 Đối với võ quan trận thương khi đánh Pháp, năm Tự
176 Đức thứ 19 (1866), triều Nguyễn ban cấp cho võ quan
177 dựa trên chức quan và mức độ của thương tật như giai
178 đoạn trước, tuy nhiên định mức trợ cấp cao hơn.

179 Trường hợp bị thương nặng: “Chánh, Phó đề đốc
180 được cấp 20 quan tiền; Chánh, Phó lãnh binh được
181 18 quan; Đốc binh được 16 quan; Suất đội được 12
182 quan; Đội trưởng được 10 quan”.

^cChế định này được thực thi từ năm Minh Mệnh thứ 8 (1827).

^dChế định này được thực thi từ năm Minh Mệnh thứ 14 (1833).

183 Trường hợp bị thương nhẹ: “Chánh, Phó đề đốc được
184 cấp 18 quan; Chánh, Phó lãnh binh được cấp 16 quan;
185 Đốc binh được 14 quan; Suất đội được 10 quan và Đội
186 trưởng được 8 quan” [10; tr. 82].

187 Trong thời gian điều trị, võ quan còn được triều đình
188 trợ cấp tiền để dưỡng thương. Chế độ này được thực
189 thi từ năm Tự Đức thứ 24 (1871) đối với 2 trường hợp:
190 dưỡng thương tại nơi làm nhiệm vụ và dưỡng thương
191 ở quê nhà.

192 Với trường hợp ở lại quân ngũ để điều dưỡng, triều
193 đình ban cấp tiền tùy theo mức độ nặng nhẹ và chức
194 vụ của võ quan. Cụ thể, người bị thương nặng:
195 Chánh, Phó lãnh binh được cấp tiền 20 quan, Đốc
196 binh được cấp 15 quan; Quản cơ 10 quan; Suất đội
197 8 quan; người bị thương nhẹ: Chánh, Phó lãnh binh
198 được cấp 15 quan; Đốc binh 10 quan; Quản cơ 6 quan;
199 Suất đội 5 quan.

200 Trường hợp về quê điều dưỡng, triều đình dựa trên
201 phẩm trật và mức độ của thương tật để ban cấp.
202 Định mức cụ thể như sau: “Người nào bị thương
203 nặng thành tật trở về: Chánh Tổng tam phẩm, cấp 50
204 quan; Chánh Tổng tứ phẩm cấp 40 quan; người nào bị
205 thương nhẹ trở về: Chánh Tổng tam phẩm 40 quan;
206 Chánh Tổng tứ phẩm 35 quan; Chánh Tổng ngũ phẩm
207 25 quan; Chánh Tổng lục phẩm 20 quan; Chánh Tổng
208 thất phẩm 15 quan” [11; tr. 1290].

209 Tuy vậy, trong một số trường hợp, võ quan bị thương
210 nhận được số tiền trợ cấp cao hơn định mức triều
211 đình ban hành: ví dụ, tháng 3 năm Tự Đức thứ 34
212 (1881), triều đình cấp cho Phó đề đốc quân thứ Hưng
213 Hoà là Hoàng Tuyên bị thương khi dẹp giặc 100 quan
214 tiền (định mức là 20 quan).

215 *Đối với binh lính*, chế độ trợ cấp trận thương của triều
216 đình vua Tự Đức trước năm 1866 dựa trên định lệ
217 ban cấp dưới triều Minh Mệnh. Binh lính kinh thành
218 bị trận thương, nhà nước ban cấp với 3 trường hợp:
219 đi đánh dẹp các cuộc nổi dậy của nông dân^e, đi dẹp
220 các cuộc khởi nghĩa ở của đồng bào dân tộc thiểu số
221 và đánh dẹp ở Nam kỳ. Định mức trợ cấp là 5 quan.
222 Riêng những người lính đi đánh dẹp các cuộc nổi dậy
223 của nông dân, nhà nước quy định: lính 5 quan.

^eChế định này được ban hành năm Minh Mệnh thứ 8 (1827).

224 Binh lính bị thương đi đánh giặc ở Nam Kỳ: bị thương
 225 nhẹ 2 quan, bị thương nặng 5 quan^f.
 226 Ngoài ra, binh lính trong các cơ hươg dũng khi
 227 tham gia chiến trận bị thương cũng nhận được chế độ
 228 trợ cấp của triều đình, dựa trên định mức của quân
 229 lính trong kinh, nhưng thấp hơn, bằng với thủ hạ (3
 230 quan)^g [12; tr. 601].
 231 Từ năm Tự Đức thứ 19 (1866), binh lính trận thương
 232 được triều đình ban cấp tùy theo mức độ bị thương
 233 nặng hay nhẹ. Trong đó, nặng được trợ cấp 5 quan;
 234 nhẹ được 3 quan. Với định mức này, binh lính bị
 235 thương nặng vẫn được trợ cấp như giai đoạn trước
 236 nhưng bị thương nhẹ được trợ cấp tăng lên 1 quan.

237 **Chế độ trợ cấp với võ quan và binh lính trận** 238 **vong**

239 ngoài chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính trận
 240 vong trong khi làm nhiệm vụ, triều đình vua Tự Đức
 241 còn thực thi nhiều chính sách trợ cấp đối với thân
 242 nhân của họ. Đối tượng bao gồm: bố mẹ, vợ con.

243 **Đối với võ quan**

244 Một số chế độ trợ cấp cho võ quan dưới triều Tự Đức
 245 đặt thành định lệ như tặng phẩm hàm và cấp tuất,
 246 một số ban cấp dựa trên những trường hợp cụ thể,
 247 không thành quy định như tế lễ, thờ phụng hoặc xây
 248 đền thờ.
 249 Trước hết, võ quan trận vong được triều đình truy
 250 tặng phẩm hàm (gồm phẩm trật và chức vụ). Đây
 251 chính là cơ sở cho việc thực hiện chế độ trợ cấp đặc
 252 biệt là việc cấp tuất. Việc truy tặng hàm (chức vụ)
 253 được thi hành từ năm Gia Long thứ 2 (1803), và quy
 254 định này duy trì dưới triều vua Minh Mệnh và áp dụng
 255 đối với trường hợp võ quan trận vong trước năm 1864
 256 dưới triều vua Tự Đức. Hàm của võ quan trận vong
 257 được truy tặng sau khi chết trận như sau: Quân cơ trở
 258 lên ban thưởng riêng theo chỉ của vua, quyền Quân
 259 cơ truy tặng Cẩm binh Chánh đội, quyền Suất đội truy
 260 tặng Cẩm binh Đội trưởng.
 262 Đến năm Tự Đức thứ 11 (1858), triều Nguyễn ban
 263 hành định lệ về chế độ tặng phẩm trật cho võ quan
 264 trận vong khi đánh Pháp (Tây dương), cụ thể: Chánh
 265 tú phẩm được tặng Tông tam phẩm; Tông tú phẩm,
 266 Chánh ngũ phẩm được tặng 1 trật, Tông ngũ phẩm
 267 được tặng 1 trật, Chánh, Tông lục phẩm được tặng
 268 2 trật, Chánh, Tông thất phẩm được tặng 3 trật, Đội
 269 trưởng cấp bằng được tặng Tông lục phẩm và Chánh
 270 thất phẩm [10; tr. 67].
 271 Năm Tự Đức thứ 17 (1864), triều đình quy định lại
 272 chế độ tặng phẩm trật cho tất cả võ quan trận vong.

^fChế định này được ban hành năm Minh Mệnh thứ 14 (1833).

^gĐịnh chế này được ban hành năm Minh Mệnh thứ 16 (1835).

Trong đó quy định: võ quan trận vong có thực hàm 273
 và chưa có thực hàm đều được tăng thêm một trật và 274
 được cấp tuất theo phẩm trật mới. Sự thống nhất này 275
 tạo ra sự đồng đều và công bằng trong cấp tuất đối với 276
 võ quan nhất là đối với võ quan phẩm hàm thấp trong 277
 phiên chế ở địa phương. 278
 Năm Tự Đức thứ 27 (1874), triều Nguyễn đặt định lệ 279
 truy tặng phẩm hàm và cấp tiền tuất cho những người 280
 đi đánh giặc Thanh, các cuộc nổi dậy của nông dân, 281
 đồng bào dân tộc thiểu số và võ quan trận vong khi 282
 đánh giặc trên biển. Dựa trên tinh thần dũng cảm và 283
 tài trí cũng như tinh thần quyết tâm đánh giặc, việc 284
 trợ cấp cho võ quan được chia thành 3 trường hợp: 285
 võ quan mạnh mẽ xông pha chiến trận mà thủ thắng 286
 rồi chết trận; võ quan mạo hiểm xông pha, khinh suất 287
 nhưng thủ thắng rồi chết; và võ quan khinh suất xông 288
 pha gây bất lợi rồi chết. Với mỗi trường hợp tùy theo 289
 phẩm hàm và nhiệm vụ được giao, triều đình có định 290
 mức ban cấp khác nhau. Cao nhất là những võ quan 291
 thực hàm khi tham gia chiến trận mạnh mẽ xông pha 292
 thủ thắng rồi chết trận. Họ được tăng thêm 2 phẩm 293
 trật và tăng gấp đôi tiền tuất. Thấp nhất là võ quan 294
 do khinh suất gây bất lợi rồi chết trận chỉ được tăng 295
 1 trật và lĩnh tiền tuất được lĩnh theo phẩm hàm mới 296
 được thăng thụ. Riêng đối với những võ quan mạo 297
 hiểm xông pha, khinh suất nhưng thủ thắng rồi chết 298
 trận mà chưa có phẩm hàm, nhà nước quy định: “Là 299
 Quân đoàn thì tặng Tông bát phẩm Bá hộ, là Suất đoàn 300
 thì tặng Chánh cửu phẩm Bá hộ” [10; tr. 75]. 301
 Cũng trong năm Tự Đức thứ 27 (1874), triều đình ban 302
 hành quy định về phẩm trật cho quan viên (bao gồm 303
 cả võ quan) bị cách chức nhưng vẫn tham gia chiến 304
 trận bị trận vong. Dựa trên phẩm trật trước khi chết, 305
 phẩm trật được truy tặng thấp hơn 1 hoặc 2 bậc dựa 306
 trên tinh thần chiến đấu và kết quả của trận đánh. 307
 Trong đó quy định như ở Bảng 2. 308
 Chế độ quan trọng nhất đối với võ quan và binh lính 309
 trận vong là chế độ cấp tuất. Việc cấp tuất dựa trên 310
 chức vụ và việc thăng thụ phẩm hàm được thực hiện 311
 trước đó. 312
 Chế độ cấp tuất cho võ quan của triều Tự Đức nằm 313
 trong chế độ cấp tuất chung của triều đình đối với 314
 quan viên (cả văn quan và võ quan). Chế độ cấp 315
 tuất được vua Gia Long ban hành đầu tiên năm Gia 316
 Long thứ 4 (1806) điều chỉnh vào năm Gia Long thứ 8 317
 (1810). Chế độ này được duy trì dưới thời vua Minh 318
 Mệnh và giai đoạn đầu của triều vua Tự Đức. Năm 319
 Tự Đức thứ 18 (1865), triều Nguyễn thống nhất định 320
 mức cấp tuất cho quan văn - võ (trong đó có cả võ 321
 quan trận vong) dựa trên phẩm hàm, đồng thời góp 322
 chung chế độ cấp tuất và cấp áo bào khi võ quan chết 323
 làm một. Trong đó, mức ban cấp được phân biệt giữa 324
 người được và không được cấp áo triều bào. Chế độ 325

Bảng 2: Chế độ truy tặng phẩm hàm cho võ quan bị cách chức trận vong ban hành năm Tự Đức thứ 27 (1874) (Nguồn [10; tr. 76])

STT	Phẩm trật trước khi chết	Phẩm trật được truy tặng	
		Mạnh mẽ xông pha trận mạc đánh thắng giặc	Mạo hiểm xông pha mà khinh suất gây bất lợi
1	Chánh, Tông tam phẩm	Chánh ngũ phẩm	Tông lục phẩm
2	Chánh, Tông tứ phẩm	Tông ngũ phẩm	Chánh thất phẩm
3	Chánh, Tông ngũ phẩm	Chánh lục phẩm	Chánh bát phẩm
4	Chánh, Tông lục phẩm	Chánh thất phẩm	Tông bát phẩm
5	Chánh, Tông thất phẩm	Chánh bát phẩm	Chánh cửu phẩm
6	Chánh, Tông bát phẩm	Tông cửu phẩm	Chánh cửu phẩm

326 cấp tuất cho võ quan được triều đình vua Tự Đức tiếp
 327 tục điều chỉnh, trong đó định mức tiền cấp tuất cho
 328 võ quan được tăng lên vào năm Tự Đức thứ 29 (1876).
 329 So với chế độ cấp tuất của vua Gia Long, định mức cấp
 330 tuất cho võ quan tăng lên đáng kể. Trong đó, so với võ
 331 quan nhất phẩm định mức ban cấp năm Tự Đức thứ
 332 29 (1876) tăng hơn gấp 2 lần so với năm Gia Long thứ
 333 8 (1810), cũng trong 2 năm này định mức của Tông tứ
 334 phẩm tăng hơn 7 lần. Cụ thể như Hình 1.

335 Sau năm 1858, vua Tự Đức ban hành nhiều chính
 336 sách nhằm trợ cấp thêm cho võ quan trực tiếp tham
 337 gia kháng chiến chống Pháp. Một năm sau khi cuộc
 338 kháng chiến chống Pháp nổ ra (1859), triều đình đã
 339 ban hành chế độ cấp tuất bằng bạc đối với võ quan
 340 trận vong ở Quảng Nam, Gia Định và đặc biệt là
 341 những võ quan chống Pháp trên mặt trận Đà Nẵng.
 342 Đối tượng ban cấp bao gồm cả võ quan chết tại chiến
 343 trường và võ quan bị thương rồi chết (không bao gồm
 344 Chương vệ trở lên do được hưởng đặc ân riêng theo
 345 từng cá nhân của triều đình) như quy định ở Bảng 3.
 346 Năm Tự Đức thứ 13 (1860), triều Nguyễn tăng định
 347 mức cấp tuất cho võ quan trận vong. Trong đó quy
 348 định, những người thực hàm sẽ chiếu theo hàm được
 349 tặng mà cấp tuất gấp đôi; nếu võ quan trận vong chỉ
 350 là hàm thí, thụ, sung, lãnh (những chức quan chưa
 351 thực sự được bổ dụng vào chức vụ nắm giữ) được tặng
 352 thêm 2 trật thì cấp tuất theo hàm được tặng [10, tr. 68-
 353 69].

354 Đối với võ quan đi đánh giặc Thanh và các cuộc khởi
 355 nghĩa của đồng bào thiểu số, triều đình quy định:
 356 “Quan binh đánh trận hy sinh được tặng 1 trật, chuẩn
 357 cho chiếu theo lệ mới cấp tiền tuất gấp đôi; hạng được
 358 gia tặng 2, 3 trật, chiếu theo hàm được tặng cấp tiền
 359 tuất” [10, tr. 69].

360 Đối với võ quan bị cách chức nhưng vẫn tham gia
 361 chiến trận bị trận vong, dựa trên phẩm trật được
 362 phong tặng, năm Tự Đức thứ 27 (1874), triều đình

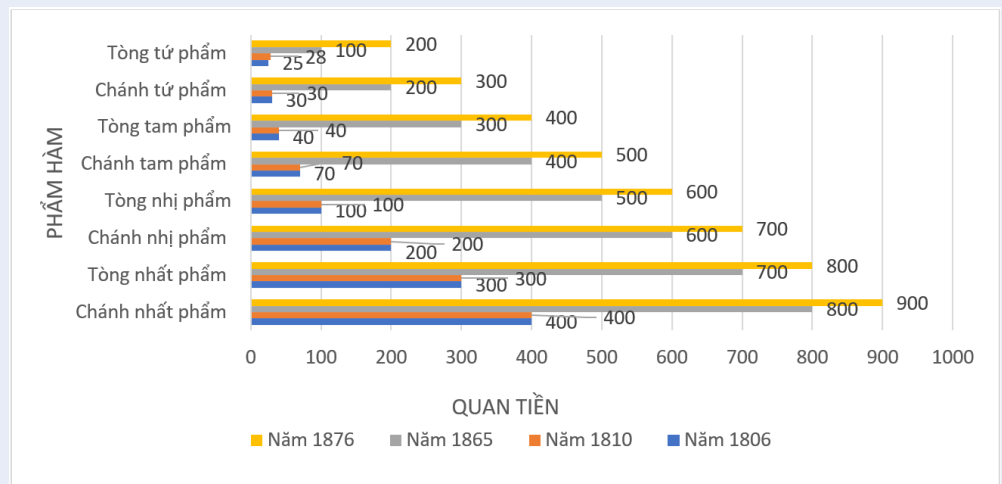
ban cấp với định mức: Chánh tông tam phẩm đến 363
 Chánh tông thất phẩm theo hàm truy tặng mà cấp tiền 364
 tuất gấp đôi. Chánh tông bát phẩm được truy tặng 365
 Chánh cửu phẩm, theo hàm được tặng mà cấp tuất; 366
 Chánh tông cửu phẩm nếu mạnh mẽ xông pha đánh 367
 giặc thì được nhận tiền tuất theo nguyên hàm [10, tr. 368
 76]. 369

Số tiền, bạc cấp tuất cho võ quan sẽ được chia thành 2 370
 phần, cấp cho mai tang và cấp cho thân nhân: “Trước 371
 hết hãy trích cấp tiền tuất cho họ một nửa cùng với 372
 vải vóc để chi cho việc mai táng. Còn một nửa cũng 373
 nên cấp thêm tiền, tu lấy ở kho mà cấp cho gia đình 374
 họ sinh sống”¹⁶. 375

Ngoài cấp tuất, võ quan trận vong được triều đình cấp 376
 tiền vải, triều bào để thờ. Vào năm Tự Đức thứ 15 377
 (1862), triều Nguyễn ban hành định lệ cho quan võ 378
 tử tam phẩm trở lên đi đánh giặc dù bị chết trận, hay 379
 chết bệnh (không kể có công lao hay không) đều truy 380
 cấp cho áo chầu để thờ [10, tr. 67]. 381

Bên cạnh cấp tuất, võ quan trận vong còn được triều 382
 đình cấp ruộng, lập bia võ công và lập đền thờ. Chế 383
 độ này không ban thành định lệ dưới thời Tự Đức, tuy 384
 nhiên, những võ quan có công trạng, đặc biệt là người 385
 có công lao trong kháng chiến chống Pháp, nhận được 386
 sự ưu cấp của triều đình, điển hình là trường hợp của 387
 Lãnh binh Trương Định. Sách *Đại Nam thực lục* chép: 388
 năm Tự Đức thứ 34 (1881), triều đình vua Tự Đức làm 389
 đền thờ viên Lãnh binh An Giang là Trương Định, 390
 trước đã cấp cho 5 mẫu ruộng thờ cúng, đến nay lại 391
 sai làm đền ở xã Tư Cung, tỉnh Quảng Ngãi. 392

Ngoài ra, triều đình vua Tự Đức còn thực hiện tế lễ 393
 cho vong linh võ quan và binh lính trận vong ở trong 394
 kinh thành. Trước khi Pháp xâm lược triều đình, vua 395
 Tự Đức đã tổ chức một số lần tế lễ cho võ quan và binh 396
 lính trận vong khi đánh trận ở Quảng Nam vào năm 397
 Tự Đức thứ 5 (1852). Sau khi kháng chiến chống Pháp 398
 nổ ra, việc tổ chức tế lễ cho võ quan binh lính diễn ra 399



Hình 1: Định mức tiền tuất cho võ quan từ Tông tứ phẩm trở lên hành dưới triều Gia Long và Tự Đức (được mang áo triều bào)^a (Nguồn ¹¹[¹³; tr. 676-677], [¹⁴; tr.5 86], [¹⁵; tr. 199-201])

^aĐối với võ quan theo lệ không được đem theo áo triều bào, Chánh tam phẩm được cấp 100 quan, Tông tam phẩm 80 quan, Chánh tứ phẩm 60 quan, Tông tứ phẩm 40 quan, Chánh ngũ phẩm 35 quan, Tông ngũ phẩm 32 quan, Chánh lục phẩm 30 quan, Tông lục phẩm 25 quan, Chánh thất phẩm 22 quan, Tông thất phẩm 20 quan, Chánh bát phẩm 18 quan, Tông bát phẩm 15 quan, Chánh cử phẩm 12 quan, Tông cử phẩm 10 quan [11; tr. 953].

Bảng 3: Định mức cấp tuất cho võ quan đánh Pháp năm Tự Đức thứ 12 (1859) (Nguồn [¹¹; tr. 607])

Cấp bậc được ban tặng sau khi tử trận	Bạc được cấp (lạng)
Cấm binh vệ úy, Lãnh binh các tỉnh	20
Phó vệ úy, Vệ úy các quân, Phó lãnh binh	18
Phó vệ úy các quân, Quản cơ	15
Phó quản cơ, Hòng thủ úy	12
Cấm y cai đội, Cấm y hiệu úy	10
Tinh binh cai đội, Cấm binh suất đội	8
Tinh binh suất đội	6

400 thường xuyên hơn. Năm Tự Đức thứ 12 (1859) và
 401 năm Tự Đức thứ 14 (1861), triều đình tổ chức tế lễ
 402 cho quân sĩ trận vong ở Quảng Nam; năm Tự Đức
 403 thứ 14 (1861), triều Nguyễn tổ chức tế lễ cho binh sĩ
 404 trận vong ở Gia Định. Đặc biệt năm Tự Đức thứ 15
 405 (1862), triều đình tế các tướng sĩ chết trận, chết bệnh
 406 ở các chiến trường chống Pháp trong một tuần.

407 **Đối với binh lính**

408 Dưới triều vua Tự Đức, trước năm Tự Đức thứ 27
 409 (1874), việc trợ cấp cho binh lính kinh thành đi làm
 410 nhiệm vụ trận vong được thực thi theo chế độ đã được
 411 ban hành dưới triều vua Minh Mệnh (được ban hành
 412 năm Minh Mệnh thứ 8 (1827)), trong đó binh lính
 413 được cấp 10 quan, dân phu thủ hạ 5 quan [¹; tr. 573-
 414 574].

Từ năm Tự Đức thứ 27 (1874), binh lính trận vong
 415 được cấp tiền 8 quan và nửa tấm vải. Những trường
 416 hợp trận vong không xác định được tên tuổi, thân
 417 nhân sẽ được cấp bổ sung sau khi xác minh thông tin
 418 từ các viên quan quản lý các vệ như trường hợp 32
 419 binh lính chết trận năm Tự Đức thứ 22 (1869) được
 420 ghi lại trong tài liệu Châu bản triều Nguyễn¹⁷. Những
 421 binh lính thất lạc lâu ngày, sau khi kiểm tra ở quê quán
 422 và quân ngũ đều không thấy trở về, cũng được hưởng
 423 chế độ như người chết trận. Châu bản triều Nguyễn
 424 cho biết năm Tự Đức thứ 24 (1871) đã tặng tuất, ấm
 425 nhiều cho 206 người lính ở Hải Dương đi làm nhiệm
 426 vụ 3, 4 năm, và có trường hợp 10 năm chưa thấy trở
 427 về¹⁸.

428
 429 Binh lính trận vong cũng được triều đình vua Tự Đức
 430 tổ chức tế lễ. Năm Tự Đức thứ 8 (1855), triều đình tế

431 lễ cho quan binh chết trận vì bão ở bờ biển gồm Suất
432 đội đội Tuần hải ở Quảng Yên và 13 biển binh chết
433 đuối do bão đánh chìm. Năm Tự Đức thứ 10 (1857),
434 triều đình cấp tước gấp đôi và sai tế một tuần cho 41
435 biển binh tinh Biên Hoà chết do gặp bão trên đường
436 chở hàng hóa về kinh.

437 **Đối với thân nhân của võ quan và binh lính**

438 Dưới thời Tự Đức, thân nhân võ quan gồm cha mẹ,
439 vợ con được hưởng chế độ đãi ngộ của triều đình khi
440 có người thân không may mắn khi ra trận.

441 *Đối với cha mẹ võ quan*, năm Tự Đức thứ 4 (1851),
442 triều đình thực hiện cấp tiền gạo cho cha mẹ võ quan
443 từ Suất đội trở lên trận vong khi đánh dẹp trên biển.
444 Không phụ thuộc vào tuổi của cha mẹ và phẩm cấp
445 của võ quan, triều Nguyễn thống nhất cấp cho cha mẹ
446 quan viên 3 quan tiền, 3 phương gạo, vải, lụa mỗi thứ
447 1 tấm.

448 Năm Tự Đức thứ 13 (1860), triều đình cấp tiền gạo
449 cho thân nhân các tướng sĩ chết trận ở Quảng Nam -
450 Gia Định. Trong đó quy định: “Nhị phẩm cấp cho 20
451 quan tiền, 8 phương gạo; tam phẩm cấp 15 quan tiền,
452 5 phương gạo; tứ phẩm cấp 10 quan tiền, 4 phương
453 gạo; ngũ phẩm cấp 8 quan tiền, 3 phương gạo; lục
454 phẩm trở xuống theo thứ tự mà giảm dần đi” [11; tr.
455 686].

456 Năm Tự Đức thứ 18 (1865), triều đình ban hành định
457 lệ, võ quân trận vong nếu còn cha mẹ thì cấp cho mỗi
458 người 1 quan tiền và 1 phương gạo [14; tr. 196].

459 *Đối với cha mẹ binh sĩ*, năm Tự Đức thứ 34 (1881),
460 triều đình cấp dưỡng cho cha mẹ binh lính từ 60 tuổi
461 trở lên, và con trai, con gái tuổi từ 15 trở xuống.

462 *Đối với vợ của võ quan trận vong*, triều Nguyễn không
463 ban hành thành định lệ trợ cấp chung trong cả nước.
464 Việc ban cấp này được thực hiện đối với một số trường
465 hợp cụ thể. Năm Tự Đức thứ 4 (1851), triều đình cấp
466 tiền gạo cho vợ võ quan từ suất đội trở lên chết khi
467 đánh dẹp và đi đường biển với mức: tam phẩm trở
468 lên cấp cho 3 quan tiền, 2 phương gạo; từ tứ phẩm đến
469 thất phẩm, cấp cho 2 quan tiền, 1 phương gạo (không
470 áp dụng với vợ con người nào hiện còn mà không đến
471 nỗi có đơn khổ sở, đã có lương bổng, người can án bị
472 tội) [11; tr. 209].

473 *Đối với vợ của những võ quan có công lao đặc biệt*,
474 triều Nguyễn có chế độ đãi ngộ riêng. Trường hợp
475 điển hình là vợ của Lãnh binh Trương Định. Sách
476 *Đại Nam thực lục* ghi lại: năm Tự Đức thứ 27 (1874),
477 triều đình cấp tiền, gạo cho vợ nguyên Lãnh binh
478 An Giang Trương Định. Khi Pháp đánh chiếm các
479 tỉnh ở Nam Kỳ, Trương Định mộ quân chống trả, sau
480 thua. Ông cùng con trai bị giặc giết. Vợ là bà Lê Thị
481 Thường không chỗ nương nhờ, “chuẩn cho quan tỉnh

482 cấp dưỡng cho đủ, (tiền 20 quan, gạo 2 phương) đến
483 nay lại chuẩn cho sau khi chết cấp cho 100 quan tiền”
484 [4; tr. 283].

485 *Đối với con của võ quan*, triều đình vua Tự Đức ban
486 hành những chế độ ưu đãi về thuế khóa, đi lính, ẩm
487 thụ.

488 Về chế độ ẩm thụ, đây là chế độ nhà nước cho phép
489 người con trai được thừa hưởng công trạng và phẩm
490 hàm của cha để được ra làm quan. Thông thường, chế
491 độ này áp dụng đối với người con trai trưởng của võ
492 quan nhưng vì lý do nào đó như người con trai trưởng
493 bị can án, tạt nguyên hoặc đã đỗ đạt ra làm quan thì
494 quyền ẩm thụ sẽ áp dụng đối với người con trai thứ.
495 Tuy nhiên chỉ có con võ quan ở phẩm trật cao mới
496 được hưởng lệ ẩm thụ. Chế độ này bắt đầu thực hiện
497 từ thời vua Gia Long năm 1803.

498 Dưới triều vua Tự Đức, năm Tự Đức thứ 11 (1858),
499 triều đình ban hành quy định tặng ẩm thụ cho quan
500 viên tham gia kháng chiến chống Pháp. Trong đó quy
501 định: “Chánh tứ phẩm được ẩm thụ cho 1 người con
502 hoặc em hoặc cháu là Tông thất phẩm Thiên hộ; Tông
503 tứ phẩm, Chánh ngũ phẩm một người con hoặc em
504 hoặc cháu là Bát phẩm Bá hộ; Chánh, Tông thất phẩm
505 ẩm thụ cho 1 người con hoặc em hoặc cháu là Tông
506 cửu phẩm Bá hộ; Đội trưởng cấp bằng được miễn cho
507 1 người con hoặc em hoặc cháu binh điều suốt đời”
508 [10; tr. 67].

509 Năm Tự Đức thứ 18 (1865), triều đình quy định võ
510 quan từ Tông nhị phẩm trở lên khi chết, mỗi người
511 được một người con khai ẩm thụ. Cùng năm này,
512 triều Nguyễn có lệ bổ sung, cho phép võ quan từ ngũ
513 phẩm trở lên chết trận hay có công lớn, võ quan tam
514 phẩm tuy không có công lớn cũng có một người con
515 được ẩm thụ. Việc bổ dụng phẩm hàm của ẩm thụ
516 con quan còn tùy thuộc vào năng lực của họ hoặc công
517 trạng của người cha (cụ thể trong Bảng 4). Ví dụ, cha
518 là Chánh nhất phẩm có công trạng thì con được ẩm
519 thụ Chánh lục phẩm hàm Chủ sự, cha là Chánh nhất
520 phẩm nhưng không có công trạng thì con chỉ được
521 Tông lục phẩm hàm Tu soạn. Độ tuổi áp dụng chế độ
522 ẩm thụ được quy định năm Tự Đức thứ 24 (1874) là
523 20, sau khi chứng tỏ được năng lực thì năm 25 tuổi
524 mới được bổ dụng ra làm quan.

525 Con võ quan chết trận còn được nhà nước cấp tiền
526 gạo hàng tháng. Chế độ này được ban hành năm Tự
527 Đức thứ 18 (1865) nằm trong chế độ chung cho con
528 của quan viên văn võ. Vua Tự Đức quy định, nếu con
529 của quan văn - võ dưới 15 tuổi không có người nuôi
530 dạy, hằng tháng cấp 5 tiền và nửa phương gạo, trên 16
531 tuổi đã đủ trưởng thành nên không cấp dưỡng [15; tr.
532 196].

533 *Đối với con của binh lính trận vong*, một người con
534 của họ được triều đình miễn binh dịch và thuế thân

Bảng 4: Chế độ ẩm thụ ban hành năm Tự Đức thứ 18 (1865) (Nguồn [19; tr. 26])

Phẩm trật của cha (có công trạng) - phẩm trật và hàm ẩm thụ của con		Phẩm trật của cha (không có công trạng) - phẩm trật và hàm ẩm thụ của con	
Cha	Con	Cha	Con
Chánh nhất phẩm	Chánh lục phẩm, hàm Suất đội	Chánh nhất phẩm	Tòng lục phẩm, hàm Cấm binh chánh đội trưởng
Tòng nhất phẩm	Tòng lục phẩm, hàm Cấm binh chánh đội trưởng	Tòng nhất phẩm	Chánh nhất phẩm hàm Tinh binh Chánh đội trưởng
Chánh nhị phẩm	Chánh thất phẩm hàm Tinh binh Chánh đội trưởng	Chánh nhị phẩm	Tòng thất phẩm hàm Tinh binh đội trưởng
Tòng nhị phẩm	Tòng thất phẩm, hàm Tinh binh đội trưởng	Tòng nhị phẩm	Chánh bát phẩm, đội trưởng

535 suốt đời. Đối với trường hợp võ quan không có con,
536 một người cháu của võ quan sẽ nhận được chế độ
537 này²⁰.

538 Bên cạnh đó, triều đình vua Tự Đức ban hành một số
539 ưu đãi đối với cha mẹ (ông bà) của binh lính, đặc biệt
540 là binh lính trận vong. Năm Tự Đức thứ 18 (1865),
541 vua đặt định lệ giảm trừ thời gian đi lính đối với bố
542 và anh của những người chết trận không có con, em,
543 cháu (gọi bằng chú, bác): nếu là lính thì trừ 4 năm,
544 là đồng thì trừ 3 năm [11; tr. 955]. Năm Tự Đức thứ
545 25 (1872), triều đình cấp tiền cho ông bà, cha mẹ của
546 binh đồng chết trận. Nếu thân nhân còn sống, mỗi
547 tháng họ được cấp cho 1 quan tiền, 1 phượng gạo; đến
548 khi những người này chết thì nhà nước ban cấp cho:
549 bố mẹ được cấp tiền 5 quan nửa tấm vải, ông bà được
550 cấp tiền 3 quan, nửa tấm vải [11; tr. 1357].

551 KẾT LUẬN

552 Từ những chính sách trợ cấp đối với võ quan và binh
553 lính trận thương, trận vong dưới triều Tự Đức như
554 đã trình bày trên đây, xin rút ra một vài nhận xét như
555 sau:

556 *Một là:* Chính sách trợ cấp đối với võ quan và binh
557 lính trận thương, trận vong của triều Tự Đức có sự
558 khác biệt giữa hai giai đoạn trước và sau kháng chiến
559 chống Pháp. Trước năm 1858, chế độ trợ cấp cho võ
560 quan và binh lính trận thương hầu như kế thừa những
561 chế định đã được ban hành dưới các triều vua trước,
562 đặc biệt là triều Minh Mệnh. Sau năm 1858, khi Pháp
563 xâm lược, bên cạnh duy trì những chế độ trợ cấp trước
564 đó, vua Tự Đức thi hành nhiều chế độ trợ cấp ưu hậu
565 hơn nhằm động viên tinh thần võ quan và binh lính,
566 nhất là đối với những võ quan và binh lính trực tiếp
567 tham gia chiến trường chống Pháp.

568 Chế độ trợ cấp đối với võ quan và binh lính giai đoạn
569 này ngày càng hoàn thiện, tăng lên về định mức và mở

570 rộng về đối tượng. Một số chính sách được triều đình
571 đặt thành định lệ, cụ thể hóa về đối tượng và định mức
572 ban cấp cũng như vật phẩm kèm theo, trong đó tiêu
573 chí dựa trên công trạng được đề cao có ý nghĩa động
574 viên tinh thần rất lớn đối với binh lính trực tiếp tham
575 gia chiến trường. Trong đó, cấp tuất được coi là chế
576 độ trợ cấp quan trọng nhất. Dưới triều Tự Đức, nhất
577 là sau khi cuộc kháng chiến chống Pháp nổ ra, định
578 mức ban cấp được tăng lên đáng kể so với triều vua
579 Gia Long và các vua kế tiếp. Đối tượng nhận được
580 trợ cấp không chỉ có những binh sĩ trực tiếp tham gia
581 chiến trường mà còn đối với cả thân nhân của họ, đặc
582 biệt là những gia đình có mẹ già và con nhỏ.

583 *Hai là:* Chế độ trợ cấp của triều Nguyễn đối với binh
584 sĩ tham gia trận mạc, những người có công với vương
585 triều như bệnh binh, tử sĩ, cùng vợ góa, con cô của
586 binh lính trận vong thực sự có ý nghĩa tích cực, phần
587 nào đảm bảo đời sống vật chất và tinh thần cho binh
588 lính, từ đó xoa dịu nỗi đau, mất mát khi tham gia chiến
589 trận, và thể hiện sự quan tâm của triều đình, đúng như
590 lời Thượng dụ: “Các bậc đế vương dùng binh vốn là
591 điều bất đắc dĩ, những người vâng mệnh triều đình ra
592 sức chiến đấu ở chốn biên cương thật đáng thương”²¹.
593 Theo Phan Huy Lê (2012) trong nghiên cứu *Tình hình*
594 *khai mở dưới triều Nguyễn*, tác giả dẫn lời của Piere
595 Pasquier cho biết dưới triều Nguyễn, 1 phượng bằng
596 $\frac{1}{2}$ hộc bằng 13 thăng, mà 1 thăng bằng 2,932 lít, và
597 hộc bằng 76,226 lít. Tác giả cân 1 lít gạo mùa nặng
598 880gr, từ đó kết luận, 1 phượng gạo bằng 38,113 lít
599 gạo nặng khoảng 32,783 kg [22; tr. 61]. Đồng thời,
600 theo Nguyễn Phan Quang và Đặng Huy Vận (1965),
601 đương thời “một quan tiền cho ngang một phượng
602 gạo” [23; tr. 21]. Với định lượng này, cùng số tiền tuất
603 được ban cấp theo định lệ, võ quan trận vong (nhất là
604 võ quan phẩm hàm cao) nhận được số gạo (quy ra từ
605 tiền) tương đối lớn, trong khi đó tiền tuất của binh

606 lính (năm 1874) được cấp có thể mua được hơn 2,6
607 tạ gạo (8 quan x 32,783kg). Đối với võ quan và binh
608 lính trận thương, võ quan được trợ cấp thấp nhất là
609 6 quan, tương đương 1,9 tạ gạo; trong khi binh lính
610 thấp nhất là 2 quan, tương đương 65kg gạo. Con số
611 này cho thấy về cơ bản đã giải quyết được lương thực
612 trước mắt cho võ quan và binh lính trận thương, trận
613 vong.

614 *Ba là:* Chế độ trợ cấp dành cho võ quan và binh lính
615 trận thương, trận vong của vua Tự Đức thể hiện sự ưu
616 cấp cho võ quan, đặc biệt là võ quan có phẩm hàm cao
617 trong bộ máy quan lại. Những chính sách này có giá
618 trị động viên tinh thần đối với người được ban cấp,
619 đồng thời củng cố sự cảm quyền của nhà nước quân
620 chủ.

621 LỜI CẢM ƠN

622 Nghiên cứu được tài trợ bởi Trường Đại học Khoa học
623 Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ
624 Chí Minh trong khuôn khổ đề tài mã số T2023-08.

625 XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

626 Bản thảo không có xung đột lợi ích.

627 ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

628 Nội dung bài viết là kết quả nghiên cứu của tác giả về
629 một trong những chính sách đãi ngộ của triều Nguyễn
630 trong quân đội với đối tượng cụ thể là võ quan và lính
631 bị thương và hi sinh trong chiến trận. Bài viết nhằm
632 cung cấp cho người đọc một phương diện tìm hiểu,
633 đánh giá cụ thể về quân đội triều Nguyễn nói chung,
634 những chính sách dành cho quân đội nói riêng trong
635 thời gian cầm quyền của vua Tự Đức, đặc biệt là trong
636 bối cảnh nước Đại Nam đối mặt với sự xâm lược của
637 thực dân Pháp.

638 TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 639 1. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ. Huế:
640 Nhà xuất bản Thuận Hóa; 2005. Tập V;.
- 641 2. Phan Huy Lê. Lịch sử chế độ phong kiến. Hà Nội: Nhà xuất bản
642 Giáo dục; 1960. Tập 3;.
- 643 3. Quốc sử quán triều Nguyễn, Hoàng Văn Lâu, dịch. Đại Nam
644 nhất thống chí. Hà Nội: Nhà xuất bản Lao động; 2012. Tập 1,
645 2;.
- 646 4. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà
647 xuất bản Giáo dục; 2007. Tập VIII;.
- 648 5. Hack K, Rettig T. Colonial Armies in Southeast Asia. New
649 York: Routledge; 2006; Available from: [https://doi.org/10.4324/](https://doi.org/10.4324/9780203414668)
650 [9780203414668](https://doi.org/10.4324/9780203414668).
- 651 6. Nguyễn Quang Ngọc. Lịch sử Việt Nam. Hà Nội: Nhà xuất bản
652 Giáo dục; 2005. Tập 3;.
- 653 7. Nguyễn Minh Tường. Tổ chức bộ máy nhà nước quân chủ Việt
654 Nam từ năm 938 đến năm 1884. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa
655 học xã hội; 2015;.
- 656 8. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà
657 xuất bản Giáo dục; 2007. Tập II;.
- 658 9. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà
659 xuất bản Giáo dục; 2007. Tập III;.

- 660 10. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục
661 biên. Hà Nội: Nhà xuất bản Khoa học xã hội; 2009. Tập VII;.
- 662 11. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà
663 xuất bản Giáo dục; 2004. Tập VII;.
- 664 12. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà
665 xuất bản Giáo dục; 2004. Tập IV;.
- 666 13. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam thực lục. Hà Nội: Nhà
667 xuất bản Giáo dục; 2007. Tập I;.
- 668 14. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ. Huế:
669 Nhà xuất bản Thuận Hóa; 2005. Tập III;.
- 670 15. Nội các triều Nguyễn. Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ tục
671 biên. Hà Nội: Nhà xuất bản Giáo dục; 2005. Tập III;.
- 672 16. Tờ 192, tập 111, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm
673 Lưu trữ quốc gia I;.
- 674 17. Tờ 122, tập 246, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm
675 Lưu trữ quốc gia I;.
- 676 18. Tờ 264, tập 216, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm
677 Lưu trữ quốc gia I;.
- 678 19. Võ Hương An. Từ điển nhà Nguyễn. Thành phố Hồ Chí Minh:
679 Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM; 2020;.
- 680 20. Tờ 34, tập 1, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm Lưu
681 trữ quốc gia I;.
- 682 21. Tờ 111, tập 218, Tự Đức. Châu bản triều Nguyễn. Trung tâm
683 Lưu trữ quốc gia I;.
- 684 22. Phan Huy Lê. Tình hình khai mỏ dưới triều Nguyễn. Nghiên
685 cứu lịch sử. 1963;53;.
- 686 23. Nguyễn Phan Quang, Đặng Huy Vện. Tìm hiểu chế độ lao
687 dịch và binh dịch dưới triều vua Gia Long. Nghiên cứu lịch sử.
688 1965;80;.

The compensation system for military officers and soldiers wounded or falling in battle during the reign of King Tự Đức (1847-1883)

Vu Thi Nga *



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

The reign of King Tự Đức (1847-1883) coincided with one of the most tumultuous periods in the nation's history. Not only did King Tự Đức have to suppress internal rebellions, but he also had to orchestrate a resistance against French colonial invasion. In this context, the strength of the military was of paramount importance for the national stability and independence. The establishment and maintenance of a robust army, along with the promulgation and enforcement of post-war policies, including various welfare ones for military officers and soldiers wounded or falling in battle, directly impacted these military officers and soldiers' material and spiritual lives.

The compensation system for military officers and soldiers wounded and falling in battle during the reign of King Tự Đức was implemented in the two distinct scenarios: before and during wartime. To boost the morale of the soldiers wounded or killed in battles, significant compensation adjustments were made, particularly after 1858, when the resistance against the French colonialists ignited. It was not just an expansion in the beneficiaries of the compensation, but also an increase in the amount provided compared to the previous period. In addition to the soldiers directly involved in combat, their family members (parents, spouses, and children) were also granted monetary support, especially military officers with great contributions in the resistance against the French.

Key words: Tự Đức, compensation, battle-wounded, fallen in battle

University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Correspondence

Vu Thi Nga, University of Social Sciences and Humanities, VNUHCM, Vietnam

Email: vuthinga@hcmussh.edu.vn

History

- Received: 19-10-2023
- Revised: 22-5-2024
- Accepted: 12-9-2024
- Published Online:

DOI :



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Nga V T. **The compensation system for military officers and soldiers wounded or falling in battle during the reign of King Tự Đức (1847-1883).** *Sci. Tech. Dev. J. - Soc. Sci. Hum.* 2024; ():1-1.